

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2021/DS-ST

Ngày 29/9/2021

“V/v Kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Thống.

2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2019/TLST-DS ngày 16/4/2019, về việc “Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2021/QĐXX - DS ngày 12/8/2021 và thông báo mở lại phiên tòa số: 52/TB-TA ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị B; Địa chỉ: Phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Anh T; Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn P và chị Phan Thị Thu H; Địa chỉ: phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Trường C; Phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đặng Anh T trình bày có nội dung như sau:

Vào năm 2015, anh Lê Văn P và chị Phan Thị Thu H là con bà Đặng Thị B cần tiền làm ăn nên nhờ bà B giúp, trên cơ sở đó bà B đã đứng ra bảo lãnh dùng tài sản là nhà, đất của bà B thuộc thửa đất số 61, tờ bản đồ 03, diện tích 98,89m², theo Giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1564/2003 do Ủy ban nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/7/2003, để cho anh C, chị H vay số tiền 3.000.000.000 đồng của Quỹ tín dụng Nhân dân Cơ sở Long T, bao gồm 02 Hợp đồng, mỗi hợp đồng 1.500.000.000 đồng. Số tiền 3.000.000.000 đồng sau đó được giao hết cho vợ chồng anh P, chị H.

Do là con trong gia đình nên sự thỏa thuận trên được lập thành văn bản có ký cam kết của 03 bên, anh P, chị H cam kết trả các khoản vay gốc, lãi cho Quỹ tín Dụng Long T theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nhưng khi đến hạn trả nợ anh P, chị H đã không thực hiện theo đúng cam kết không trả nợ cho phía Quỹ Tín Dụng nên Quỹ Tín Dụng đã thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án, hiện Quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và được chuyển qua Cơ quan Thi hành án dân sự Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh ra Thi hành án kê biên, bán đấu giá, xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ. Do vợ chồng P, H đã vi phạm cam kết, nay người khởi kiện bà B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh P, chị H có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 3.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện anh T xác định việc các bên vay tiền và cam kết trả nợ là giữa các cá nhân bà B, anh P, chị H, anh C không liên quan đến ai khác, nên vẫn giữ nguyên nguyên quan điểm là đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh P, chị H có trách nhiệm trả cho bà B số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu nào thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa hòa giải trong hồ sơ vụ án năm 2018, bị đơn anh Lê Văn P trình bày có nội dung như sau:

Anh P, chị H là vợ chồng, là con rể, con ruột của bà B vào ngày 25/5/2015 anh P có nhận từ chị H số tiền 1.500.000.000 đồng, từ anh C 1.500.000.000 đồng, mục đích là để trả nợ cho khoản vay của vợ chồng anh P. Nguồn gốc số tiền này là do chị H, anh C nhờ bà B dùng tài sản của bà B là thửa đất số 61, tờ bản đồ 03, diện tích 98,89m², bảo lãnh cho khoản vay của chị H, anh C tại Quỹ tín Dụng nhân Dân cơ Sở Long T.

Tháng 10/2015 anh P, chị H, anh C có làm văn bản ký và cam kết với nội dung anh P có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc 3.000.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Quỹ Tín Dụng Nhân Dân Cơ Sở Long T theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T, quy trình trả nợ là 05 năm kể từ ngày nhận nợ.

Nay bà B khởi kiện buộc anh P có trách nhiệm cùng chị H trả cho bà B số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng thì anh P không đồng ý, vì anh P không vay tiền bà B, bà B dùng tài sản của mình đứng ra bảo lãnh cho khoản vay của chị H và anh C. Anh P có trách nhiệm trả số tiền gốc, lãi cho quỹ tín dụng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 73/2018/QĐST-DS ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Tại các biên bản hòa hòa giải trong hồ sơ vụ án năm 2018, bị đơn chị Phan Thị Thu H trình bày có nội dung như sau:

Chị thống nhất với ý kiến của anh P, chị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B. Ngoài ra, không có ý kiến nào khác.

Tại các biên bản hòa hòa giải trong hồ sơ vụ án năm 2018, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2020 bị đơn anh Phan Trường C trình bày có nội dung như sau:

Năm 2015, mẹ ruột anh C là bà B có dùng tài sản là thửa đất số 61, tờ bản đồ 03, diện tích 98,89m², bảo lãnh cho khoản vay của chị H, anh C tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T 3.000.000.000 đồng, trong đó phần anh C là 1.500.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền anh đã đưa hết cho anh P sử dụng và anh P cam kết có trách nhiệm trả gốc, lãi cho Quỹ tín dụng nhưng đã không thực hiện đúng cam kết. Quỹ tín dụng khởi kiện và các bên đã thống nhất theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 73/2018/QĐST-DS ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế anh C cũng chỉ đứng ra vay giúp vợ chồng chị H số tiền 1.500.000.000 đồng, nên nay trách nhiệm trả tiền là của vợ chồng chị H, anh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người liên quan đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 255, Điều 256, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn P, chị Phan Thị Thu H, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Trường C có ý kiến xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào

khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Bị đơn anh Lê Văn P, chị Phan Thị Thu H đều có các lời khai, quan điểm tại bản tự khai ngày 09/3/2018, biên bản hòa giải, biên bản công khai chứng cứ ngày 04/7/2018, ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Đối với hồ sơ thụ lý số 175/2019/TLST-DS ngày 16/4/2019, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng trực tiếp tại Tòa án để tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất để làm rõ vụ án, mà luôn vắng mặt, cố tình lẩn tránh nên Tòa án thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện các thủ tục tổng đạt đầy đủ theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử để bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 01/10/2015 bị đơn có ký bản cam kết trả nợ tại các Hợp đồng tín dụng mà tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay là tài sản của nguyên đơn bà B, nhưng đã không thực hiện nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nay nguyên đơn, khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả số tiền 3.000.000.000 đồng là phù hợp với Điều 4, Điều 5, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 3.000.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hợp đồng tín dụng số 1-28343-1/HĐTD ngày 25/5/2015 được ký kết giữa chị H và Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T, chị H vay số tiền 1.500.000.000 đồng cho mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1%/tháng. Theo hợp đồng tín dụng số 1-28338-4/HĐTD ngày 25/5/2015 được ký kết giữa anh Phan Trường C với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T, anh C vay số tiền 1.500.000.000 đồng cho mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 1%/tháng. Cả hai hợp đồng tín dụng trên ký bên bảo đảm bà Đặng Thị B. Tại hợp đồng thế chấp tài sản số 01524/HĐBL ngày 26/5/2015; Hợp đồng thế chấp tài sản số 01523/HĐBL ngày 26/5/2015, giữa bên nhận thế chấp Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T với bên thế chấp bà Đặng Thị B, tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 3/82 Thành T (số cũ: M3 Cư Xá Đồng Đ đường 3 tháng 2), Phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, để bảo đảm cho khoản vay của chị Phan Thị Thu H, Anh Phan Trường C, các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp được ký kết bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2015 bên bảo đảm Đặng Thị B, bên vay Phan Thị Thu H bên cam kết Lê Văn P ký bản cam kết với nội dung “ Tôi cam kết chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ cho hai hợp đồng tín dụng số 1-28343-1/HĐTD ngày 25/5/2015, và trả nợ theo kế hoạch trả nợ như trong hợp đồng đã quy định, mọi trách nhiệm liên quan như tiền lãi hàng tháng và tiền gốc hàng năm như quy định trong hợp đồng nêu trên tôi sẽ chịu trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T như trong hợp đồng đã ký kết. Bản cam kết này tôi làm có sự thỏa thuận và chứng kiến của bên bảo đảm là bà Đặng Thị B và bên vay ông Phan Trường C và bà Phan Thị Thu H. Sau khi tôi làm

bản cam kết này và chịu trách nhiệm trả nợ như quy định trong hai hợp đồng tín dụng nêu trên thì bên bảo đảm là bà Đặng Thị B sẽ không còn ý kiến gì liên quan về khoản vay của hai hợp đồng tín dụng nêu trên nữa cho tới khi tất toán xong số nợ vay tại hai hợp đồng nêu trên”.

Khi đến hạn trả nợ do bên vay không trả được nợ nên bên cho vay đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 73/2018/QĐST-DS ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, bên vay chị Phan Thị Thu H và anh Lê Văn P, anh Phan Trường C đồng ý trả toàn bộ khoản vay gốc, lãi suất cho Quỹ tín dụng nhân dân Long T theo phương thức vào ngày 31/5/2018, ngày 01/6/2018 đến ngày 31/5/2020, nhưng sau đó đã không thực hiện theo Quyết định thỏa thuận tại Tòa án. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T đã làm đơn yêu cầu Thi hành án thi hành Quyết định trên để bảo đảm khoản vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T.

Như vậy, việc các bên vay vốn, bà B đứng ra dùng tài sản của mình thế chấp, bảo đảm cho khoản vay của chị H, anh C, việc bà B, anh P, chị H ký cam anh P đứng ra trả nợ tại các Hợp đồng tín dụng mà chị H, anh C vay Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T là thực tế, các bên thừa nhận không phản đối gì. Tại các hợp đồng tín dụng bà B ký với tư cách bên bảo đảm, tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất bà B ký với tư cách bên thế chấp. Tuy nhiên, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, tài liệu để chứng minh tài sản thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Phường 14, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền quản lý, sở hữu của bà Đặng Thị B đã được phát mại để bảo đảm cho việc thi hành Bản án, Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 73/2018/QĐST-DS ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh nhằm thực hiện nghĩa vụ với khoản vay của chị H, anh C tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T, nên chưa có thiệt hại thực tế xảy ra, khoản nợ của chị H, anh C với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Long T thực tế chưa được thanh toán. Mặt khác, bị đơn chị H, anh P, người liên quan anh C không đồng ý trả số tiền 3.000.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B về việc buộc bị đơn anh Lê Văn P và chị Phan Thị Thu H trả cho bà B số tiền 3.000.000.000 đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà B là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 255, Điều 256, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị B.

Về việc: Buộc bị đơn anh Lê Văn P và chị Phan Thị Thu H trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị B số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).

Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị B là người cao tuổi nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh

